BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Kế toán
Mã số: 7340301
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

(Áp dụng đối với khóa 18)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững trong lĩnh vực kế toán cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp.

Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán bằng các vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực sau:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kế toán để thực hiện và cải tiến công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị

PO3: Có khả năng giao tiếp, phản biện và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp đa dạng và số hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán tài chính trong doanh nghiệp, đơn vị

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị**	**3**
		PI 1.1.Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán tại doanh nghiệp, đơn vị phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2.Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp,đơn vị, tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và phù hợp với bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực kế toán trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị**	**3**
		PI 2.1. Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học quản lý trong lĩnh vực kế toán	3
		PI 2.2. Áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế trong lĩnh vực kế toán phù hợp với bối cảnh của của doanh nghiệp, đơn vị	3
3	**PLO3**	**Tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị và phân tích dữ liệu kế toán phục vụ việc ra quyết định quản lý**	**4**
		PI3.1. Áp dụng kiến thức chung về kế toán vào tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị	3
		PI 3.2. Phân tích dữ liệu kế toán để đưa ra các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định quản lý	4
4		**Định hướng đào tạo: Kế toán doanh nghiệp (modul 1)**	
	PLO4.01	**Nhận dạng đặc thù của các loại hình doanh nghiệp để thực hiện và cải tiến công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp đặc thù**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI4.1.01.Phân biệt đặc thù của các loại hình doanh nghiệp để thực hiện công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp.	4
		PI4.2.01.Cải tiến công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán nhà hàng, khách sạn (modul 2)	
	PLO4.02	**Nhận dạng đặc thù của các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn để thực hiện và cải tiến công tác kế toán.**	**4**
		PI4.1.02.Phân biệt đặc thù của các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn để thực hiện công tác kế toán.	4
		PI4.2.02.Cải tiến công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn.	4
	PLO4.03	**Nhận dạng đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện và cải tiến công tác kế toán.**	**4**
		PI4.1.03. Phân biệt đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện công tác kế toán.	4
		PI4.2.03. Cải tiến công tác kế toán tại các đơn vị sự nghiệp công.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán số và phân tích dữ liệu (modul 4)	
	PLO4.04	**Nhận dạng đặc thù của kế toán trong môi trường số để thực hiện, kiểm soát, cải tiến công tác kế toán và phân tích dữ liệu trong môi trường số**	**4**
		PI4.1.04. Nhận diện công nghệ số, nền tảng dữ liệu để thực hiện, kiểm soát công tác kế toán và phân tích dữ liệu doanh nghiệp trong môi trường số	4
		PI4.2.04. Cải tiến quy trình kế toán, quy trình phân tích dữ liệu của doanh nghiệp trong môi trường số.	4
Kỹ năng chung			
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI 5.1. Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2. Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo đồng thời sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản, các công cụ, phần mềm kế toán để hỗ trợ công việc.**	**3**
		PI6.1. Vận dụng tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI6.2. Sử dụng thành thạo các thiết bị, phần mềm kế toán để tối ưu hóa công việc trong hoạt động chuyên môn về kế toán	3
7	**PLO7**	**Sử dụng ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.**	**3**
		PI7.1.Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2.Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các kiến thức chung về kế toán, tài chính trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị**	**3**
		PI 8.1.Vận dụng các quy trình kế toán trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị	3
		PI 8.2.Tính toán chính xác các dữ liệu kế toán, tài chính	3
9	**PLO9**	PLO9: Thực hiện chính xác quá trình phân tích dữ liệu kế toán nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát, hoạt động tài chính tại các doanh nghiệp, đơn vị	3
		PI9.1. Lập các báo cáo phân tích dữ liệu kế toán của doanh nghiệp, đơn vị	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI9.2. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát, hoạt động tài chính tại các doanh nghiệp, đơn vị	3
10		**Định hướng đào tạo: Kế toán doanh nghiệp (modul 1)**	
	PLO10.01	**Thực hiện thành thạo quy trình kế toán; đánh giá công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù theo quy định hiện hành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.**	**4**
		PI10.1.01: Thực hiện thành thạo quy trình kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù theo quy định hiện hành.	4
		PI10.2.01: Đánh giá công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù trên cơ sở số liệu kế toán và quy định hiện hành nhằm phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán nhà hàng, khách sạn (modul 2)	
	PLO10.02	**Thực hiện thành thạo quy trình kế toán; đánh giá công tác kế toán tại các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn theo quy định hiện hành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.**	**4**
		PI10.1.02: Thực hiện thành thạo quy trình kế toán tại doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn theo quy định hiện hành.	4
		PI10.2.02: Đánh giá công tác kế toán tại doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn trên cơ sở số liệu kế toán và quy định hiện hành nhằm phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán công (modul 3)	
	PLO10.03	**Thực hiện thành thạo quy trình kế toán; đánh giá công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.**	**4**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		PI10.1.03: Thực hiện thành thạo quy trình kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.	4
		PI10.2.03: Đánh giá công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở số liệu kế toán và quy định hiện hành nhằm phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán số và phân tích dữ liệu (modul 4)	
	PLO10.04	**Sử dụng thành thạo công nghệ số trong xử lý, kiểm tra và lập báo cáo kế toán; phân tích và trực quan hóa dữ liệu kế toán phục vụ hoạt động chuyên môn.**	**4**
		PI10.1.04: Sử dụng thành thạo công nghệ số trong xử lý, kiểm tra và lập báo cáo kế toán	4
		PI10.2.04: Phân tích và trực quan hóa dữ liệu kế toán phục vụ hoạt động chuyên môn	4
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.**	**3**
		PI11.1.Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	**Chủ động tìm hiểu kiến thức và tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; chịu trách nhiệm về các quyết định và hành động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.**	**3**
		PI12.1.Chủ động tìm hiểu kiến thức và tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		nghiệp kế toán kiểm toán trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	
		PI12.2. Chịu trách nhiệm về các quyết định của bản thân và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực kế toán theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình cử nhân kế toán được xây dựng nhằm đến kết quả của chương trình là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

Nhóm 1 - Nhân viên kế toán: Có đủ năng lực làm việc các doanh nghiệp, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, các công ty liên doanh, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế. Có thể đảm nhiệm được công việc của các phần hành kế toán trong đơn vị, triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các cơ quan và tổ chức kinh tế.

Nhóm 2 - Nhân viên phân tích và tư vấn: có đủ năng lực đảm nhiệm các công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty tài chính và phi tài chính; tương lai có thể phát triển nghề nghiệp thành các chuyên gia phân tích, tư vấn trong các lĩnh vực này.

Nhóm 3 - Trợ lý kiểm toán, kiểm soát viên trong các bộ phận kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn của Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập; tiến tới trong tương lai trở thành kiểm toán viên chuyên nghiệp khi được trang bị chứng chỉ hành nghề chứng chỉ quốc gia/quốc tế để hành nghề cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán tư vấn tài chính cho các các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nhóm 4 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có thể nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu về lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán; có thể tiếp tục học tập phấn đấu

để trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp và chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Chương trình đào tạo ngành kế toán của Nhà trường là một nền tảng tốt để người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau và có thể tự chuyển đổi, phát triển nghề nghiệp từ lĩnh vực kế toán, kiểm toán sang các lĩnh vực nghề nghiệp khác như: quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, thuế; có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng về chuyên ngành kế toán.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy, người học có khả năng:

- Tiếp tục tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể tại đơn vị được tuyển dụng.

- Tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà người học theo đuổi.

- Tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành kế toán hoặc tài chính -ngân hàng và các chuyên ngành liên quan.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững trong lĩnh vực kế toán cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị.	X											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kế toán để thực hiện và cải tiến công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị		X	X	X								
PO3	Có khả năng giao tiếp, phản biện và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp đa dạng và số hóa.					X	X	X					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán tài chính trong doanh nghiệp, đơn vị								X	X	X		

PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											X	X

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *67 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *20 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT,TH/TL,Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	1. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	4. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	5. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000585	1. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
002967	1.Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHUD	1	(15, 0, 30)	
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36,18,90)	x
001102	3. Xác suất thống kê	KHUD	3	(36,18,90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	X
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	X
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	X
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	X
002164	2.Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	1	(15, 0, 30)	X
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	X
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHUD	1	(15, 0, 30)	
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	X
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	X
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	X
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	X
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	X
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	X
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	X
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**26**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		17		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000567	3. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001212	5. Nguyên lý kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001734	6. Hành nghề kế toán kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001431	7. Luật kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 3 trong các học phần)		9		
001153	1. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
001109	2. Tài chính – tiền tệ	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	X
000666	3.Tài chính doanh nghiệp	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	X
001104	4.Marketing căn bản	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001743	5.Thống kê kinh doanh	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001601	6. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**49**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**37**		
000447	1. Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(39,12,90)	X
000479	2. Tin học ứng dụng kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000465	3. Thực hành Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
000448	4. Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000445	5. Kế toán quản trị 1	KTKT	3	(39, 12, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000455	6. Kiểm toán căn bản	KTKT	3	(39,12,90)	X
000466	7. Thực hành Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
001162	8.Tiểu luận 1: Thu thập số liệu kế toán	KTKT	2	(0, 60, 60)	x
001301	9. Thuế và kế toán thuế	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001745	10. Thực hành Thuế và Kế toán thuế	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
000458	11. Phân tích báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001744	12.Thực hành Phân tích BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003314	13.Phân tích dữ liệu kế toán	KTKT	2	(26, 8, 60)	X
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 4 trong các học phần)		**12**		
001100	1.Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001251	2.Kế toán quản trị 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000449	3.Kế toán tài chính 3	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
000441	4. Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	
001340	5.Kế toán máy	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
002649	6.Chuẩn mực kế toán công	KTKT	3	(39, 12, 90)	
002464	7.Kiểm soát quản lý	KTKT	3	(39, 12, 90)	
002053	8. Hợp nhất báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	
001727	9. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(39, 12, 90)	
001250	10.Hệ thống thông tin kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		***23***		
	2.3.1. ***Module 1****: Kế toán doanh nghiệp*		*23*		
	2.3.1.1.Kiến thức bắt buộc		6		
001739	1.Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001736	2.Thực hành kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
003315	3.Tiểu luận chuyên ngành kế toán doanh nghiệp	KTKT	2	(0, 60, 60)	
	2.3.1.2.Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)		3		
001740	4.Kế toán doanh nghiệp xây lắp và đơn vị chủ đầu	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001742	4. Kế toán tập đoàn tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	X
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**X**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003316	6.1.Chuyên đề kế toán doanh nghiệp 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003317	6.2.Chuyên đề kế toán doanh nghiệp 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003318	6.3.Chuyên đề kế toán doanh nghiệp 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
	2.3.2. **Module 2**: *Kế toán nhà hàng khách sạn*		23		
	2.3.2.1 Kiến thức bắt buộc		6		
001733	1.Kế toán nhà hàng	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
003319	2.Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
003320	3.Tiểu luận chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn	KTKT	2	(0, 60, 60)	
	2.3.2.2 Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
001732	4.Kế toán khách sạn	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001742	4. Kế toán tập đoàn tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	x

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**x**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003321	6.1.Chuyên đề kế toán nhà hàng khách sạn 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003322	6.2.Chuyên đề kế toán nhà hàng khách sạn 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003323	6.3.Chuyên đề kế toán nhà hàng khách sạn 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
	2.3.3. ***Module 3:*** *Kế toán công*		23		
	2.3.3.1.Kiến thức bắt buộc		6		
001725	1.Kế toán ngân sách và tài chính xã	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001729	2. Thực hành Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003324	3.Tiểu luận chuyên ngành Kế toán công	KTTK	2	(0, 60, 60)	
	2.3.3.2.Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
002465	4. Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001722	4. Kiểm toán hoạt động	KTKT	3	(39,12,90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán Công**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	X
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Công**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**X**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003325	6.1.Chuyên đề kế toán công 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003326	6.2.Chuyên đề kế toán công 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003327	6.3.Chuyên đề kế toán công 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
	2.3.4. ***Module 4****: Kế toán số và phân tích dữ liệu*		*23*		
	2.3.4.1. Kiến thức bắt buộc		*6*		
003328	1.Tin học ứng dụng kế toán nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
003329	2. Thực hành phân tích dữ liệu kế toán	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003330	3.Tiểu luận chuyên ngành Kế toán số và phân tích dữ liệu	KTKT	2	(0,60, 60)	
	2.3.4.2.Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)		*3*		
003331	4. Kế toán định giá doanh nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
003332	4. Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán số và phân tích dữ liệu**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	X
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán số và phân tích dữ liệu**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**X**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003333	6.1.Chuyên đề kế toán số và phân tích dữ liệu 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003334	6.2.Chuyên đề kế toán số và phân tích dữ liệu 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003335	6.3.Chuyên đề kế toán số và phân tích dữ liệu 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

  - Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
  - Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
  - Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...

- Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Kế toán
Mã số: 7340301
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng đối với khóa 19)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững trong lĩnh vực kế toán cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp.

Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán bằng các vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực sau:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kế toán để thực hiện và cải tiến công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị

PO3: Có khả năng giao tiếp, phản biện và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp đa dạng và số hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán tài chính trong doanh nghiệp, đơn vị

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị**	**3**
		PI 1.1.Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán tại doanh nghiệp, đơn vị phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2.Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp,đơn vị, tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và phù hợp với bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực kế toán trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị**	**3**
		PI 2.1. Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học quản lý trong lĩnh vực kế toán	3
		PI 2.2. Áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế trong lĩnh vực kế toán phù hợp với bối cảnh của của doanh nghiệp, đơn vị	3
3	**PLO3**	**Tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị và phân tích dữ liệu kế toán phục vụ việc ra quyết định quản lý**	**4**
		PI3.1. Áp dụng kiến thức chung về kế toán vào tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị	3
		PI 3.2. Phân tích dữ liệu kế toán để đưa ra các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định quản lý	4
4		**Định hướng đào tạo: Kế toán doanh nghiệp (modul 1)**	

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
	PLO4.01	**Nhận dạng đặc thù của các loại hình doanh nghiệp để thực hiện và cải tiến công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp đặc thù**	**4**
		PI4.1.01.Phân biệt đặc thù của các loại hình doanh nghiệp để thực hiện công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp.	4
		PI4.2.01.Cải tiến công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán nhà hàng, khách sạn (modul 2)	
	PLO4.02	**Nhận dạng đặc thù của các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn để thực hiện và cải tiến công tác kế toán.**	**4**
		PI4.1.02.Phân biệt đặc thù của các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn để thực hiện công tác kế toán.	4
		PI4.2.02.Cải tiến công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn.	4
	PLO4.03	**Nhận dạng đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện và cải tiến công tác kế toán.**	**4**
		PI4.1.03. Phân biệt đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện công tác kế toán.	4
		PI4.2.03. Cải tiến công tác kế toán tại các đơn vị sự nghiệp công.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán số và phân tích dữ liệu (modul 4)	
	PLO4.04	**Nhận dạng đặc thù của kế toán trong môi trường số để thực hiện, kiểm soát, cải tiến công tác kế toán và phân tích dữ liệu trong môi trường số**	**4**
		PI4.1.04. Nhận diện công nghệ số, nền tảng dữ liệu để thực hiện, kiểm soát công tác kế toán và phân tích dữ liệu doanh nghiệp trong môi trường số	4
		PI4.2.04. Cải tiến quy trình kế toán, quy trình phân tích dữ liệu của doanh nghiệp trong môi trường số.	4
Kỹ năng chung			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1. Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2. Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo đồng thời sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản, các công cụ, phần mềm kế toán để hỗ trợ công việc.**	**3**
		PI6.1. Vận dụng tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI6.2. Sử dụng thành thạo các thiết bị, phần mềm kế toán để tối ưu hóa công việc trong hoạt động chuyên môn về kế toán	3
7	**PLO7**	**Sử dụng ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.**	**3**
		PI7.1.Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2.Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các kiến thức chung về kế toán, tài chính trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị**	**3**
		PI 8.1.Vận dụng các quy trình kế toán trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị	3
		PI 8.2.Tính toán chính xác các dữ liệu kế toán, tài chính	3
	PLO9	PLO9: Thực hiện chính xác quá trình phân tích dữ liệu kế toán nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
9		hoạt động kiểm soát, hoạt động tài chính tại các doanh nghiệp, đơn vị	
		PI9.1. Lập các báo cáo phân tích dữ liệu kế toán của doanh nghiệp, đơn vị	3
		PI9.2. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát, hoạt động tài chính tại các doanh nghiệp, đơn vị	3
10		**Định hướng đào tạo: Kế toán doanh nghiệp (modul 1)**	
	PLO10.01	**Thực hiện thành thạo quy trình kế toán; đánh giá công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù theo quy định hiện hành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.**	**4**
		PI10.1.01: Thực hiện thành thạo quy trình kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù theo quy định hiện hành.	4
		PI10.2.01: Đánh giá công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù trên cơ sở số liệu kế toán và quy định hiện hành nhằm phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán nhà hàng, khách sạn (modul 2)	
	PLO10.02	**Thực hiện thành thạo quy trình kế toán; đánh giá công tác kế toán tại các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn theo quy định hiện hành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.**	**4**
		PI10.1.02: Thực hiện thành thạo quy trình kế toán tại doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn theo quy định hiện hành.	4
		PI10.2.02: Đánh giá công tác kế toán tại doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn trên cơ sở số liệu kế toán và quy định hiện hành nhằm phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán công (modul 3)	

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
	PLO10.03	**Thực hiện thành thạo quy trình kế toán; đánh giá công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.**	**4**
		PI10.1.03: Thực hiện thành thạo quy trình kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.	4
		PI10.2.03: Đánh giá công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở số liệu kế toán và quy định hiện hành nhằm phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán số và phân tích dữ liệu (modul 4)	
	PLO10.04	**Sử dụng thành thạo công nghệ số trong xử lý, kiểm tra và lập báo cáo kế toán; phân tích và trực quan hóa dữ liệu kế toán phục vụ hoạt động chuyên môn.**	**4**
		PI10.1.04: Sử dụng thành thạo công nghệ số trong xử lý, kiểm tra và lập báo cáo kế toán	4
		PI10.2.04: Phân tích và trực quan hóa dữ liệu kế toán phục vụ hoạt động chuyên môn	4
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.**	**3**
		PI11.1.Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	**Chủ động tìm hiểu kiến thức và tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; chịu trách nhiệm về các quyết định và hành**	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	
		PI12.1.Chủ động tìm hiểu kiến thức và tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI12.2. Chịu trách nhiệm về các quyết định của bản thân và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực kế toán theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình cử nhân kế toán được xây dựng nhằm đến kết quả của chương trình là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

Nhóm 1 - Nhân viên kế toán: Có đủ năng lực làm việc các doanh nghiệp, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, các công ty liên doanh, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế. Có thể đảm nhiệm được công việc của các phần hành kế toán trong đơn vị, triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các cơ quan và tổ chức kinh tế.

Nhóm 2 - Nhân viên phân tích và tư vấn: có đủ năng lực đảm nhiệm các công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty tài chính và phi tài chính; tương lai có thể phát triển nghề nghiệp thành các chuyên gia phân tích, tư vấn trong các lĩnh vực này.

Nhóm 3 - Trợ lý kiểm toán, kiểm soát viên trong các bộ phận kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn của Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập; tiến tới trong tương lai trở thành kiểm toán viên chuyên nghiệp khi được trang bị chứng chỉ hành nghề

chứng chỉ quốc gia/quốc tế để hành nghề cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán tư vấn tài chính cho các các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nhóm 4 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có thể nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu về lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán; có thể tiếp tục học tập phấn đấu để trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp và chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Chương trình đào tạo ngành kế toán của Nhà trường là một nền tảng tốt để người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau và có thể tự chuyển đổi, phát triển nghề nghiệp từ lĩnh vực kế toán, kiểm toán sang các lĩnh vực nghề nghiệp khác như: quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, thuế; có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng về chuyên ngành kế toán.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy, người học có khả năng:

- Tiếp tục tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể tại đơn vị được tuyển dụng.

- Tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà người học theo đuổi.

- Tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành kế toán hoặc tài chính -ngân hàng và các chuyên ngành liên quan.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững trong lĩnh vực kế toán cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị.	X											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kế toán để thực hiện và cải tiến công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị		X	X	X								
PO3	Có khả năng giao tiếp, phản biện và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp đa dạng và số hóa.					X	X	X					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán tài chính trong doanh nghiệp, đơn vị								X	X	X		

PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											X	X

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *67 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *22 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT,TH/TL,Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	8. Triết học Mac – Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	9. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	10. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	11. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	12. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000585	2. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**6**		
002967	1.Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHUD	1	(15, 0, 30)	
002378	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	3	(36,18,90)	x
001102	3. Xác suất thống kê	KHUD	3	(36,18,90)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	X
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	X
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	X
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**3**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	X
002164	2.Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	1	(15, 0, 30)	X
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	X
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHUD	1	(15, 0, 30)	
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	X
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	X
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	X
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	X
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	X
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	X
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	X
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**23**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		14		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000567	3. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001212	5. Nguyên lý kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001734	13. Hành nghề kế toán kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 3 trong các học phần)		9		
001153	1. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
001109	2. Tài chính – tiền tệ	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	X
000666	3.Tài chính doanh nghiệp	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	X
001104	4.Marketing căn bản	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001743	5.Thống kê kinh doanh	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001601	6. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**50**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**35**		
000447	1. Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(39,12,90)	X
000479	2. Tin học ứng dụng kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000465	3. Thực hành Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
000448	4. Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000445	5. Kế toán quản trị 1	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000455	6. Kiểm toán căn bản	KTKT	3	(39,12,90)	X
000466	7. Thực hành Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001301	8. Thuế và kế toán thuế	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001745	9. Thực hành Thuế và Kế toán thuế	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
000458	10. Phân tích báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001744	11.Thực hành Phân tích BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003314	12.Phân tích dữ liệu kế toán	KTKT	2	(26, 8, 60)	X
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		**15**		
001100	1.Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001251	2.Kế toán quản trị 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000449	3.Kế toán tài chính 3	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000441	4. Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001340	5.Kế toán máy	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
002649	6.Chuẩn mực kế toán công	KTKT	3	(39, 12, 90)	
002464	7.Kiểm soát quản lý	KTKT	3	(39, 12, 90)	
002053	8. Hợp nhất báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	
001727	9. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(39, 12, 90)	
001250	10.Hệ thống thông tin kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		***25***		
	2.3.1. ***Module 1****: Kế toán doanh nghiệp*		*25*		
	2.3.1.1.Kiến thức bắt buộc		8		
001739	1.Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001736	2.Thực hành kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003315	3.Tiểu luận chuyên ngành kế toán doanh nghiệp	KTKT	2	(0, 60, 60)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	2.3.1.2.Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)		3		
001740	4.Kế toán doanh nghiệp xây lắp và đơn vị chủ đầu	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001742	4. Kế toán tập đoàn tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	X
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**X**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003316	6.1.Chuyên đề kế toán doanh nghiệp 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003317	6.2.Chuyên đề kế toán doanh nghiệp 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003318	6.3.Chuyên đề kế toán doanh nghiệp 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
	2.3.2. **Module 2**: *Kế toán nhà hàng khách sạn*		25		
	2.3.2.1 Kiến thức bắt buộc		8		
001733	1.Kế toán nhà hàng	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
003319	2.Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
003320	3.Tiểu luận chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn	KTKT	2	(0, 60, 60)	X
	2.3.2.2 Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
001732	4.Kế toán khách sạn	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001742	4. Kế toán tập đoàn tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	x
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**x**

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003321	6.1.Chuyên đề kế toán nhà hàng khách sạn 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003322	6.2.Chuyên đề kế toán nhà hàng khách sạn 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003323	6.3.Chuyên đề kế toán nhà hàng khách sạn 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
	2.3.3. ***Module 3:*** *Kế toán công*		25		
	2.3.3.1.Kiến thức bắt buộc		8		
001725	1.Kế toán ngân sách và tài chính xã	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001729	2. Thực hành Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003324	3.Tiểu luận chuyên ngành Kế toán công	KTTK	2	(0, 60, 60)	X
	2.3.3.2.Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
002465	4. Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001722	4. Kiểm toán hoạt động	KTKT	3	(39,12,90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán Công**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	X
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Công**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**X**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003325	6.1.Chuyên đề kế toán công 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003326	6.2.Chuyên đề kế toán công 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003327	6.3.Chuyên đề kế toán công 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
	2.3.4. ***Module 4****: Kế toán số và phân tích dữ liệu*		*25*		
	2.3.4.1. Kiến thức bắt buộc		*8*		
003328	1.Tin học ứng dụng kế toán nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT,TH/TL,Tự học)	Ghi chú
003329	2. Thực hành phân tích dữ liệu kế toán	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003330	3.Tiểu luận chuyên ngành Kế toán số và phân tích dữ liệu	KTKT	2	(0,60, 60)	X
	2.3.4.2.Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)		*3*		
003331	4. Kế toán định giá doanh nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
003332	4. Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán số và phân tích dữ liệu**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	X
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán số và phân tích dữ liệu**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**X**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003333	6.1.Chuyên đề kế toán số và phân tích dữ liệu 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003334	6.2.Chuyên đề kế toán số và phân tích dữ liệu 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003335	6.3.Chuyên đề kế toán số và phân tích dữ liệu 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

  - Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
  - Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
  - Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ - KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Kế toán
Mã số: 7340301
Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành kèm theo Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTKTCN, ngày 30 tháng 05 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp)

(Áp dụng từ khóa 20)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững trong lĩnh vực kế toán cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp.

Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán bằng các vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng và năng lực sau:

PO1: Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị.

PO2: Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kế toán để thực hiện và cải tiến công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị

PO3: Có khả năng giao tiếp, phản biện và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp đa dạng và số hóa.

PO4: Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán tài chính trong doanh nghiệp, đơn vị

PO5: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán khả năng:

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
Kiến thức chung			
1	**PLO1**	**Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề của ngành trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị**	**3**
		PI 1.1.Áp dụng kiến thức về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để đề xuất các giải pháp cho các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán tại doanh nghiệp, đơn vị phù hợp quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp.	3
		PI 1.2.Áp dụng kiến thức về khoa học tự nhiên để thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp,đơn vị, tuân thủ các nguyên tắc chuyên môn và phù hợp với bối cảnh tổ chức.	3
Kiến thức chuyên môn			
2	**PLO2**	**Áp dụng kiến thức cơ bản về quản lý, kinh tế vào lĩnh vực kế toán trong bối cảnh của doanh nghiệp, đơn vị**	**3**
		PI 2.1. Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học quản lý trong lĩnh vực kế toán	3
		PI 2.2. Áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế trong lĩnh vực kế toán phù hợp với bối cảnh của của doanh nghiệp, đơn vị	3
3	**PLO3**	**Tổ chức công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị và phân tích dữ liệu kế toán phục vụ việc ra quyết định quản lý**	**4**
		PI3.1. Áp dụng kiến thức chung về kế toán vào tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị	3
		PI 3.2. Phân tích dữ liệu kế toán để đưa ra các thông tin phục vụ cho việc ra quyết định quản lý	4
4		**Định hướng đào tạo: Kế toán doanh nghiệp (modul 1)**	

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
	PLO4.01	**Nhận dạng đặc thù của các loại hình doanh nghiệp để thực hiện và cải tiến công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp đặc thù**	**4**
		PI4.1.01.Phân biệt đặc thù của các loại hình doanh nghiệp để thực hiện công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp.	4
		PI4.2.01.Cải tiến công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán nhà hàng, khách sạn (modul 2)	
	PLO4.02	**Nhận dạng đặc thù của các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn để thực hiện và cải tiến công tác kế toán.**	**4**
		PI4.1.02.Phân biệt đặc thù của các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn để thực hiện công tác kế toán.	4
		PI4.2.02.Cải tiến công tác kế toán tại các doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn.	4
	PLO4.03	**Nhận dạng đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện và cải tiến công tác kế toán.**	**4**
		PI4.1.03. Phân biệt đặc thù của các đơn vị sự nghiệp công để thực hiện công tác kế toán.	4
		PI4.2.03. Cải tiến công tác kế toán tại các đơn vị sự nghiệp công.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán số và phân tích dữ liệu (modul 4)	
	PLO4.04	**Nhận dạng đặc thù của kế toán trong môi trường số để thực hiện, kiểm soát, cải tiến công tác kế toán và phân tích dữ liệu trong môi trường số**	**4**
		PI4.1.04. Nhận diện công nghệ số, nền tảng dữ liệu để thực hiện, kiểm soát công tác kế toán và phân tích dữ liệu doanh nghiệp trong môi trường số	4
		PI4.2.04. Cải tiến quy trình kế toán, quy trình phân tích dữ liệu của doanh nghiệp trong môi trường số.	4
Kỹ năng chung			

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
5	**PLO5**	Vận dụng khả năng giao tiếp, đàm phán, phản biện và dẫn dắt nhóm để giải quyết hiệu quả các vấn đề phức tạp trong môi trường thay đổi.	**3**
		PI 5.1. Trình bày, phản biện và truyền đạt các ý tưởng, giải pháp chuyên môn một cách rõ ràng, logic, thuyết phục để giải quyết vấn đề phức tạp.	3
		PI 5.2. Điều hành, tổ chức công việc nhóm, và đánh giá, phân loại chất lượng sản phẩm công việc, thể hiện tinh thần khởi nghiệp.	3
6	**PLO6**	**Vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và hiểu biết nền tảng về trí tuệ nhân tạo đồng thời sử dụng thành thạo công nghệ thông tin cơ bản, các công cụ, phần mềm kế toán để hỗ trợ công việc.**	**3**
		PI6.1. Vận dụng tư duy STEM trong việc xây dựng phương án giải quyết vấn đề chuyên môn; tích hợp năng lực số và nhận diện khả năng ứng dụng AI vào quy trình đó.	3
		PI6.2. Sử dụng thành thạo các thiết bị, phần mềm kế toán để tối ưu hóa công việc trong hoạt động chuyên môn về kế toán	3
7	**PLO7**	**Sử dụng ngoại ngữ Bậc 3/6 để giao tiếp cơ bản, phục vụ công việc và tương tác trong môi trường nghề nghiệp.**	**3**
		PI7.1.Đọc và hiểu các tài liệu tiếng Anh thông dụng liên quan đến công việc.	3
		PI7.2.Giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh trong các tình huống thường gặp ở nơi làm việc.	3
Kỹ năng chuyên môn			
8	**PLO8**	**Vận dụng các kiến thức chung về kế toán, tài chính trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị**	**3**
		PI 8.1.Vận dụng các quy trình kế toán trong công tác kế toán tại các doanh nghiệp, đơn vị	3
		PI 8.2.Tính toán chính xác các dữ liệu kế toán, tài chính	3
	PLO9	PLO9: Thực hiện chính xác quá trình phân tích dữ liệu kế toán nhằm đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả	3

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
9		hoạt động kiểm soát, hoạt động tài chính tại các doanh nghiệp, đơn vị	
		PI9.1. Lập các báo cáo phân tích dữ liệu kế toán của doanh nghiệp, đơn vị	3
		PI9.2. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm soát, hoạt động tài chính tại các doanh nghiệp, đơn vị	3
10		**Định hướng đào tạo: Kế toán doanh nghiệp (modul 1)**	
	PLO10.01	**Thực hiện thành thạo quy trình kế toán; đánh giá công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù theo quy định hiện hành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.**	**4**
		PI10.1.01: Thực hiện thành thạo quy trình kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù theo quy định hiện hành.	4
		PI10.2.01: Đánh giá công tác kế toán tại các loại hình doanh nghiệp đặc thù trên cơ sở số liệu kế toán và quy định hiện hành nhằm phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán nhà hàng, khách sạn (modul 2)	
	PLO10.02	**Thực hiện thành thạo quy trình kế toán; đánh giá công tác kế toán tại các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn theo quy định hiện hành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.**	**4**
		PI10.1.02: Thực hiện thành thạo quy trình kế toán tại doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn theo quy định hiện hành.	4
		PI10.2.02: Đánh giá công tác kế toán tại doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng, khách sạn trên cơ sở số liệu kế toán và quy định hiện hành nhằm phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán công (modul 3)	

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
	PLO10.03	**Thực hiện thành thạo quy trình kế toán; đánh giá công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.**	**4**
		PI10.1.03: Thực hiện thành thạo quy trình kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.	4
		PI10.2.03: Đánh giá công tác kế toán tại các đơn vị hành chính sự nghiệp, các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở số liệu kế toán và quy định hiện hành nhằm phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.	4
		Định hướng đào tạo: Kế toán số và phân tích dữ liệu (modul 4)	
	PLO10.04	**Sử dụng thành thạo công nghệ số trong xử lý, kiểm tra và lập báo cáo kế toán; phân tích và trực quan hóa dữ liệu kế toán phục vụ hoạt động chuyên môn.**	**4**
		PI10.1.04: Sử dụng thành thạo công nghệ số trong xử lý, kiểm tra và lập báo cáo kế toán	4
		PI10.2.04: Phân tích và trực quan hóa dữ liệu kế toán phục vụ hoạt động chuyên môn	4
Mức tự chủ và trách nhiệm			
11	**PLO11**	**Chủ động lập kế hoạch công việc, quản lý nguồn lực và giám sát cơ bản; đồng thời thích ứng, sẵn sàng giải quyết các vấn đề phát sinh và làm việc hợp tác hiệu quả.**	**3**
		PI11.1.Thiết lập và duy trì việc lập kế hoạch cá nhân/nhóm và quản lý nguồn lực hiệu quả để hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ	3
		PI11.2. Chủ động thích ứng và giải quyết vấn đề phát sinh; đồng thời thể hiện sự ủng hộ đối với vai trò dẫn dắt cơ bản trong công việc nhóm.	3
12	**PLO12**	**Chủ động tìm hiểu kiến thức và tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; chịu trách nhiệm về các quyết định và hành**	**3**

STT	Kí hiệu	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO) và Chỉ số thực hiện (PIs)	Mức độ năng lực của CĐR
		động của bản thân, tích cực tham gia vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng và xã hội.	
		PI12.1.Chủ động tìm hiểu kiến thức và tuân thủ các quy định của pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán kiểm toán trong quá trình thực hiện các quyết định chuyên môn.	3
		PI12.2. Chịu trách nhiệm về các quyết định của bản thân và tham gia tích cực vào các hoạt động đóng góp cho cộng đồng hoặc xã hội.	3

2.2. Trình độ tin học, ngoại ngữ

- Trình độ tin học: Đào tạo người học đạt chuẩn trình độ về tin học về Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản *(theo thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT BGDĐT-BTTTT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

- Trình độ ngoại ngữ: Đào tạo người học đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam *(theo thông tư Số: 33/2026/TT-BGDT)* và các quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

2.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp hướng tới đào tạo nguồn nhân lực kế toán theo định hướng ứng dụng. Vì vậy, chương trình cử nhân kế toán được xây dựng nhằm đến kết quả của chương trình là người học sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí công việc chuyên môn tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức kinh tế - xã hội khác. Với những kiến thức về chuyên ngành được đào tạo, người học có thể đảm nhận được những vị trí công việc như sau:

Nhóm 1 - Nhân viên kế toán: Có đủ năng lực làm việc các doanh nghiệp, các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty tài chính, công ty bảo hiểm, các công ty liên doanh, các công ty có vốn đầu tư nước ngoài, các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế trong và ngoài nước thuộc mọi thành phần kinh tế. Có thể đảm nhiệm được công việc của các phần hành kế toán trong đơn vị, triển vọng trong tương lai có thể trở thành chuyên viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp, các cơ quan và tổ chức kinh tế.

Nhóm 2 - Nhân viên phân tích và tư vấn: có đủ năng lực đảm nhiệm các công việc phân tích và tư vấn về kế toán, thuế, tài chính tại các công ty tài chính và phi tài chính; tương lai có thể phát triển nghề nghiệp thành các chuyên gia phân tích, tư vấn trong các lĩnh vực này.

Nhóm 3 - Trợ lý kiểm toán, kiểm soát viên trong các bộ phận kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn của Kiểm toán Nhà nước, các công ty kiểm toán độc lập; tiến tới trong tương lai trở thành kiểm toán viên chuyên nghiệp khi được trang bị chứng chỉ hành nghề

chứng chỉ quốc gia/quốc tế để hành nghề cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán tư vấn tài chính cho các các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Nhóm 4 - Nghiên cứu viên và giảng viên: Có thể nghiên cứu và giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu về lĩnh vực Kế toán, Kiểm toán; có thể tiếp tục học tập phấn đấu để trở thành giảng viên chính, giảng viên cao cấp và chuyên gia nghiên cứu về lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

Chương trình đào tạo ngành kế toán của Nhà trường là một nền tảng tốt để người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau và có thể tự chuyển đổi, phát triển nghề nghiệp từ lĩnh vực kế toán, kiểm toán sang các lĩnh vực nghề nghiệp khác như: quản trị kinh doanh, tài chính, ngân hàng, thuế; có thể tự tạo lập doanh nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng về chuyên ngành kế toán.

2.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp, với những kiến thức cơ bản và chuyên sâu được tích lũy, người học có khả năng:

- Tiếp tục tự đọc, tự tra cứu và tiếp cận đến hệ thống tài liệu văn bản, giáo trình, sách chuyên khảo, bài báo khoa học để nâng cao kiến thức chuyên sâu phục vụ cho vị trí công việc cụ thể tại đơn vị được tuyển dụng.

- Tiếp tục trau dồi thêm kỹ năng ở môi trường làm việc thông qua học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với các cán bộ đồng nghiệp, cán bộ quản lý và chuyên gia trong các lĩnh vực mà người học theo đuổi.

- Tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành kế toán hoặc tài chính -ngân hàng và các chuyên ngành liên quan.

3. Ma trận tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT		Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Kế toán của Trường Đại học Kinh tế – Kỹ thuật Công nghiệp được thiết kế theo định hướng ứng dụng, nhằm trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng nền tảng vững trong lĩnh vực kế toán cùng năng lực nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo và thực hành nghề nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp sẽ làm chủ khả năng giải quyết hiệu quả các công việc chuyên môn trong lĩnh vực kế toán bằng cách vận dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo, sẵn sàng thích ứng và làm việc trong môi trường số.												
Mục tiêu cụ thể													
PO1	Có khả năng áp dụng được kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị.	X											
PO2	Có khả năng áp dụng được các kiến thức ngành và chuyên ngành của lĩnh vực kế toán để thực hiện và cải tiến công tác kế toán trong doanh nghiệp, đơn vị		X	X	X								
PO3	Có khả năng giao tiếp, phản biện và truyền đạt vấn đề một cách hiệu quả đồng thời sử dụng tích hợp tư duy STEM, năng lực số và nền tảng về Trí tuệ nhân tạo để thích ứng và làm việc hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp đa dạng và số hóa.					X	X	X					
PO4	Vận dụng thành thạo các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện nghiên cứu ứng dụng, phân tích chuyên sâu và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kế toán tài chính trong doanh nghiệp, đơn vị								X	X	X		

PO5	Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc hợp tác nhóm, có năng lực sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kế toán; đồng thời tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự học suốt đời và phát huy tinh thần khởi nghiệp để chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với tập thể.											X	X

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 136 tín chỉ *(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục thể chất (4TC) và Giáo dục quốc phòng (8 TC))*

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: 38 tín chỉ
- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 98 tín chỉ
  - *Phần lý thuyết* *67 tín chỉ*
  - *Phần thực hành, thực tập, đồ án* *22 tín chỉ*
  - *Khoá luận tốt nghiệp* *09 tín chỉ*

5. Đối tượng tuyển sinh: Người học đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học – Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Đào tạo theo học chế tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

7. Cách thức đánh giá: Theo thang điểm 10**,** Theo thang điểm 4 và thang điểm chữ được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

8. Nội dung chương trình

Mã học phần	**Học phần**	**Khoa/Bộ môn thực hiện**	**Số tín chỉ**	**Khối lượng kiến thức** (LT, TH/TL,Tự học)	**Ghi chú**
1. Kiến thức giáo dục đại cương (38 tín chỉ) *(chưa bao gồm khối lượng kiến thức GDTC, GDQP)*			**38**		
	1.1. Lý luận chính trị		**11**		
001535	14. Triết học Mac - Lênin	LLCT&PL	3	(33, 24, 90)	x
001536	15. Kinh tế chính trị Mác - Lênin	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001537	16. Chủ nghĩa xã hội khoa học	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
000573	17. Tư tưởng Hồ Chí Minh	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
001538	18. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	LLCT&PL	2	(21, 18, 60)	x
	1.2. Khoa học xã hội		**2**		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
000585	3. Pháp luật đại cương	LLCT&PL	2	(26, 8, 60)	x
	1.3. Khoa học tự nhiên – Toán học - Tin học		**5**		
002967	1.Nhập môn công nghệ số và ứng dụng AI	KHUD	1	(15, 0, 30)	x
003283	2. Toán ứng dụng trong kinh tế	KHUD	2	(26, 8, 60)	x
001351	3. Xác suất thống kê	KHUD	2	(26, 8, 60)	x
	1.4. Ngoại ngữ		**16**		
001942	1. Tiếng Anh 1	NN	4	(48,24,120)	x
001943	2. Tiếng Anh 2	NN	4	(48,24,120)	X
001944	3. Tiếng Anh 3	NN	4	(48,24,120)	X
001945	4. Tiếng Anh 4	NN	4	(48,24,120)	X
	1.5. Kiến thức bổ trợ		**4**		
002151	1. Kỹ năng nhận thức bản thân	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	X
002164	2.Kỹ năng nghề nghiệp - Kế toán	Kế toán - Kiểm toán	1	(15, 0, 30)	X
002129	3. Kỹ năng phỏng vấn xin việc	LLCT&PL	1	(15, 0, 30)	X
002969	4. Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	KHUD	1	(15, 0, 30)	X
	1.6. Giáo dục thể chất		**4**		
000718	1.Giáo dục thể chất 1	GDTC	1	(0,30,30)	X
000719	2.Giáo dục thể chất 2	GDTC	1	(0,30,30)	X
000739	3.Giáo dục thể chất 3	GDTC	1	(0,30,30)	X
000740	4.Giáo dục thể chất 4	GDTC	1	(0,30,30)	X
	1.7. Giáo dục quốc phòng		**8**		
002200	1. Giáo dục quốc phòng - HP1	GDQP&AN	3	(37, 16, 0)	X
002201	2. Giáo dục quốc phòng - HP2	GDQP&AN	2	(22, 16, 0)	X
002202	3. Giáo dục quốc phòng - HP3	GDQP&AN	1	(7, 16, 0)	X
002203	4. Giáo dục quốc phòng - HP4	GDQP&AN	2	(4, 56, 0)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (98 tín chỉ)			**98**		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành		**23**		
	2.1.1. Kiến thức bắt buộc		14		
000564	1. Kinh tế vi mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000565	2. Kinh tế vĩ mô	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000567	3. Nguyên lý thống kê	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
000568	4. Pháp luật kinh tế	DLKS	2	(26, 8, 60)	x
001212	5. Nguyên lý kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001734	19. Hành nghề kế toán kiểm toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
	2.1.2. Kiến thức tự chọn (Chọn 3 trong các học phần)		9		
001153	1. Quản trị doanh nghiệp	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	X
001109	2. Tài chính – tiền tệ	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	X
000666	3.Tài chính doanh nghiệp	TCNH-BH	3	(39, 12, 90)	X
001104	4.Marketing căn bản	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001743	5.Thống kê kinh doanh	DLKS	3	(39, 12, 90)	
001601	6. Quản trị rủi ro	QT&MAR	3	(39, 12, 90)	
	2.2. Kiến thức cốt lõi của ngành		**50**		
	2.2.1. Kiến thức bắt buộc		**35**		
000447	1. Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(39,12,90)	X
000479	2. Tin học ứng dụng kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000465	3. Thực hành Kế toán tài chính 1	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
000448	4. Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000445	5. Kế toán quản trị 1	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000455	6. Kiểm toán căn bản	KTKT	3	(39,12,90)	X
000466	7. Thực hành Kế toán tài chính 2	KTKT	3	(0, 90, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001301	8. Thuế và kế toán thuế	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001745	9. Thực hành Thuế và Kế toán thuế	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
000458	10. Phân tích báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001744	11.Thực hành Phân tích BCTC	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003314	12.Phân tích dữ liệu kế toán	KTKT	2	(26, 8, 60)	X
	2.2.2. Kiến thức tự chọn (chọn 5 trong các học phần)		**15**		
001100	1.Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001251	2.Kế toán quản trị 2	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000449	3.Kế toán tài chính 3	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
000441	4. Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001340	5.Kế toán máy	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
002649	6.Chuẩn mực kế toán công	KTKT	3	(39, 12, 90)	
002464	7.Kiểm soát quản lý	KTKT	3	(39, 12, 90)	
002053	8. Hợp nhất báo cáo tài chính	KTKT	3	(39, 12, 90)	
001727	9. Kế toán ngân sách và nghiệp vụ kho bạc	KTKT	3	(39, 12, 90)	
001250	10.Hệ thống thông tin kế toán	KTKT	3	(39, 12, 90)	
	2.3. Kiến thức chuyên ngành: tự chọn theo định hướng ứng dụng *(chọn theo Module)*		***25***		
	2.3.1. ***Module 1****: Kế toán doanh nghiệp*		*25*		
	2.3.1.1.Kiến thức bắt buộc		8		
001739	1.Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ và kinh doanh xuất nhập khẩu	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001736	2.Thực hành kế toán doanh nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003315	3.Tiểu luận chuyên ngành kế toán doanh nghiệp	KTKT	2	(0, 60, 60)	X
	2.3.1.2.Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)		3		

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
001740	4.Kế toán doanh nghiệp xây lắp và đơn vị chủ đầu	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001742	4. Kế toán tập đoàn tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	X
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**X**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003316	6.1.Chuyên đề kế toán doanh nghiệp 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003317	6.2.Chuyên đề kế toán doanh nghiệp 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003318	6.3.Chuyên đề kế toán doanh nghiệp 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
	2.3.2. **Module 2**: *Kế toán nhà hàng khách sạn*		25		
	2.3.2.1 Kiến thức bắt buộc		8		
001733	1.Kế toán nhà hàng	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
003319	2.Thực hành kế toán nhà hàng, khách sạn	KTKT	3	(0, 90, 90)	x
003320	3.Tiểu luận chuyên ngành kế toán nhà hàng khách sạn	KTKT	2	(0, 60, 60)	X
	2.3.2.2 Kiến thức tự chọn (chọn 1 trong các học phần)		3		
001732	4.Kế toán khách sạn	KTKT	3	(39, 12, 90)	x
001742	4. Kế toán tập đoàn tổng công ty	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	x
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**x**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003321	6.1.Chuyên đề kế toán nhà hàng khách sạn 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
003322	6.2.Chuyên đề kế toán nhà hàng khách sạn 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003323	6.3.Chuyên đề kế toán nhà hàng khách sạn 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
	2.3.3. ***Module 3:*** *Kế toán công*		25		
	2.3.3.1.Kiến thức bắt buộc		8		
001725	1.Kế toán ngân sách và tài chính xã	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001729	2. Thực hành Kế toán hành chính sự nghiệp	KTKT	3	(0, 90, 90)	X
003324	3.Tiểu luận chuyên ngành Kế toán công	KTTK	2	(0, 60, 60)	X
	2.3.3.2.Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần)		3		
002465	4. Kiểm toán đầu tư xây dựng cơ bản và ngân sách	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
001722	4. Kiểm toán hoạt động	KTKT	3	(39,12,90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán Công**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	X
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán Công**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**X**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003325	6.1.Chuyên đề kế toán công 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003326	6.2.Chuyên đề kế toán công 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003327	6.3.Chuyên đề kế toán công 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
	2.3.4. ***Modun 4****: Kế toán số và phân tích dữ liệu*		*25*		
	2.3.4.1. Kiến thức bắt buộc		*8*		
003328	1.Tin học ứng dụng kế toán nâng cao	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
003329	2. Thực hành phân tích dữ liệu kế toán	KTKT	3	(0, 90, 90)	X

Mã học phần	Học phần	Khoa/Bộ môn thực hiện	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức (LT, TH/TL,Tự học)	Ghi chú
003330	3.Tiểu luận chuyên ngành Kế toán số và phân tích dữ liệu	KTKT	2	(0,60, 60)	X
	2.3.4.2.Kiến thức tự chọn (Chọn 1 trong các học phần)		*3*		
003331	4. Kế toán định giá doanh nghiệp	KTKT	3	(39, 12, 90)	X
003332	4. Phân tích dữ liệu trong kinh doanh	KTKT	3	(39, 12, 90)	
000898	**5.Thực Tập Cuối Khóa chuyên ngành Kế toán số và phân tích dữ liệu**	KTKT	**5**	(0, 300, 0)	X
001874	**6.Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán số và phân tích dữ liệu**	KTKT	**9**	**(0, 540, 0)**	**X**
	Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
003333	6.1.Chuyên đề kế toán số và phân tích dữ liệu 1	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003334	6.2.Chuyên đề kế toán số và phân tích dữ liệu 2	KTKT	3	(0, 180, 0)	X
003335	6.3.Chuyên đề kế toán số và phân tích dữ liệu 3	KTKT	3	(0, 180, 0)	X

Chú ý: Đánh dấu "x" vào mục ghi chú đối với các học phần dự kiến áp dụng cho đào tạo.

9. Hướng dẫn thực hiện

9.1. Nguyên tắc chung

- Hướng đào tạo: Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng ứng dụng, do vậy khi thực hiện chương trình cần chú ý:

  - Theo hướng ứng dụng nhiều hơn hướng tiềm năng.
  - Kiến thức cơ sở được rút gọn ở mức độ hợp lý.
  - Khối kiến thức ngành sẽ được tăng lên, chủ yếu ở phần thực hành.

- Các căn cứ khi thực hiện chương trình:

+ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

+ Khung trình độ Quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 do Chính phủ ban hành;

+ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

+ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

+ Quyết định số 832/QĐ-ĐHKTKTCN ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học chính quy của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp;

- Nội dung khi thực hiện chương trình: Các phòng, khoa, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần phải thay đổi, phải đề nghị Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Kế hoạch đào tạo và phân công giáo viên lên lớp: Phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù từng ngành, từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

- Các Khoa, Tổ bộ môn xây dựng đầy đủ bài giảng, ngân hàng dữ liệu đề thi cho toàn bộ các học phần và tổ chức giảng dạy theo các phương pháp mới, tích cực hoá các hoạt động của sinh viên, hướng dẫn sinh viên tự đọc, nghiên cứu tài liệu.

9.2. Kế hoạch đào tạo

- Toàn bộ chương trình được thực hiện trong 4 năm, chia thành 8 kỳ học. Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ và có thể tổ chức học tập thêm trong kỳ nghỉ hè cho một số sinh viên nếu xét thấy cần thiết:

- Học kỳ I bao gồm các nội dung:
  - Sinh hoạt chính trị đầu năm: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - thi học kỳ, dự trữ:
- Học kỳ II bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ tết: 2 tuần.
  - Sinh hoạt lớp, LĐ công ích: 1 tuần.
  - Học tập: 15 tuần
  - Thi học kỳ, dự trữ:
  - Thi lại của học kỳ I (Được tổ chức sau khi nghỉ tết khoảng 3 tuần)
- Học kỳ phụ bao gồm các nội dung:
  - Nghỉ hè.
  - Thi lại của học kỳ II (Được tổ chức ngay đầu kỳ nghỉ hè)
  - Tổ chức học bù, học phụ đạo, học vượt ...
  - Thi học kỳ phụ.

- Ngoài ra tùy theo tình hình Nhà Trường có thể mở thêm các kỳ học tăng cường, học cải thiện để đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Chú ý:

- Học kỳ I năm học thứ nhất chỉ có 15 tuần (do thời điểm sinh viên vào khoá học muộn hơn so với thời điểm bắt đầu học kỳ I)
- Học kỳ II năm học thứ tư không bố trí kỳ nghỉ hè, kế hoạch được tổ chức liên tục đến khi tốt nghiệp.

- Quy định thực hiện các học phần:

o Các học phần lý thuyết: Tại lớp học không quá 30 tiết/ tuần và đảm bảo không quá 15 giờ/tuần/học phần. Được chia thành các phần: Lý thuyết, Bài tập + Kiểm tra, Thực hành môn học.

o Các học phần thực tập, bài tập lớn: Tại phòng thực hành của Nhà trường và các doanh nghiệp, thời gian không quá 40 giờ/ tuần.

9.3. Chế độ công tác giảng viên

Căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Trần Hoàng Long